

Bản án số: 22 / 2023/ HSST
Ngày: 14/ 4/ 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương – Bí thư Đoàn thanh niên xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và bà Phạm Thị Mai - Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST - HS ngày 09/3/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

- Họ và tên bị cáo: Nguyễn Thành T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006; nơi sinh: Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi thường trú: Phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ hiện nay: Xóm T, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; con ông (bố đẻ không xác định), con bà Nguyễn Thị P; bố dượng là ông Nguyễn Văn H; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 28/7/2022, Chủ tịch UBND xã K ra Quyết định số 160/QĐ-XPHC xử phạt “ Cảnh cáo” về hành vi Trộm cắp T sản.

Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Giao người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cho người đại diện giám sát*" từ ngày 17/11/2022. Đến ngày 10/01/2023 do T bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y ra Quyết định truy nã số 01/QĐTN-CQĐT đối với Nguyễn Thành T. Ngày 21/01/2023, T bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ từ ngày 21/01/2023 đến ngày 23/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình đến nay, bị cáo có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành T:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1987 - Là mẹ đẻ của bị cáo; trú tại: Xóm T, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T:**

+ Ông Nguyễn Quốc Vương - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên KS Việt Nam; địa chỉ: Số 56, ngõ 60, đường Lê Thái Tổ, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Bà Đoàn Thị Hằng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Ông Vũ Ngọc Hùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

- **Bị hại:**

+ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1967; trú tại: Xóm T, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; trú tại: Phố 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 20, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 13/02/2006; trú tại: Xóm 2, Xuân T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Vũ Tuấn A: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 2, Xuân T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là mẹ đẻ của cháu Vũ Tuấn A), vắng mặt.

+ Cháu Lê Tuấn T2, sinh ngày 05/5/2007; trú tại: Phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Tuấn T: Bà Cao Thị S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là mẹ đẻ của cháu Lê Tuấn T2), vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn H, sinh năm 2000; trú tại: Xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Bùi Phan Đ, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Phạm Minh Đ1, sinh năm 1987; trú tại: Xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn D; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo cácT liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T, sinh ngày 05/10/2006 trú tại khu phố G, thị trấn L, huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa hiện sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1987 tại

xóm T, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Thành T đã bị xử phạt vi phạm hành chính “ Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp T sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Trong các ngày 10/10/2022; 24/10/2022 và ngày 07/11/2022, T đã nhiều lần trộm cắp T sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 13h45’ ngày 10/10/2022, T mượn xe mô tô, nhãn hiệu Wave, không gắn biển số của bạn là anh Vũ Tuấn A, sinh ngày 13/02/2006 trú tại xóm 2, Xuân T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để đi chơi. Khi đến nhà ông Phạm Văn T1, sinh năm 1967 trú tại xóm T, Đông M, xã K, huyện Y thấy cổng khóa, không có người ở nhà, T nảy sinh ý định trộm cắp T sản nên trèo qua cổng sắt vào trong sân. Quan sát thấy cửa ra vào bên hông trái được chốt bên trong trên cửa có các ô kính nên T đến khu vực cửa sổ nhặt 01 chiếc kéo bằng kim loại tối màu dài 22cm ở nền đất quay lại chỗ cửa ra vào dùng kéo đập vỡ 01 ô cửa kính của cánh cửa rồi luồn tay trái qua ô cửa kính vỡ kéo then cài cửa phía trong vào trong nhà. Khi vào gian phòng ngủ, T lục dưới gối đầu giường lấy 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy M11, màu đen của ông T1, rồi tiếp tục lục tủ quần áo lấy số tiền 19.000 đồng ông T1 bỏ trong chiếc ví da màu đen. T cất điện thoại và tiền vào trong người rồi đi ra ngoài theo đường đã vào. Sau đó, T trả xe cho Vũ Tuấn A. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “HG Mobile” của anh Hoàng Văn H, sinh năm 2000 ở xóm 3B, xã K, huyện Y bán chiếc điện thoại đã trộm cắp được cho anh H với giá 1.100.000 đồng, số tiền này T đã tiêu sài hết.

Tại Bản kết luận định giá T sản số 43/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *Giá trị của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M11 32GB, màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 10/10/2022 là 1.533.000 đồng.*

Lần thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 24/10/2022, T đến nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 ở phố 3, thị trấn Y, huyện Y (là Giám đốc Công ty giày da Minh Bảo H – nơi T từng làm việc) mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, T trèo qua tường bao rồi đi vào trong sân, sau đó trèo lên tường chui qua cửa sổ nhà vệ sinh tầng 2 để vào trong. Khi đi vào trong phòng ngủ, T thấy chị H đang ngủ trên giường, ở nền phòng ngủ bên trái giường có 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A33 5G 128GB, màu đen đang cắm sạc. T đến rút sạc, lấy chiếc điện thoại đi ra nhà tắm ở tầng 2, tháo ốp phía sau của điện thoại thì phát hiện có số tiền 1.223.000 đồng. Sau đó, T cầm tiền và điện thoại trèo ra ngoài theo đường đã đi vào. Khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, T gặp bạn là anh Lê Tuấn T2, sinh năm 2007 trú tại phố C, thị trấn Y, huyện Y, T cùng anh T2 mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy A33 đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991 trú tại phố 1B, thị trấn Y, huyện Y để mở khóa mặt khóa điện thoại. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, T mang chiếc điện thoại đã trộm cắp được đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “Minh Đức” của anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1987 ở xóm C, xã K, huyện Y bán với giá 4.000.000 đồng, số tiền bán điện thoại và số tiền 1.223.000 đồng T đã tiêu sài hết.

Tại Bản kết luận định giá T sản số 43/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *Giá trị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu*

Samsung Galaxy A33 5G 128GB màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 24/10/2022 là 4.667.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 07/11/2022, T đi qua khu vực nhà anh Lê Vũ D, sinh năm 1995 trú tại phố 2, thị trấn Y, huyện Y có gặp chị Vũ Thị Th, sinh năm 1983 trú tại xóm 20, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là giúp việc nhà anh D). Do có quen biết nên chị Th nhờ T bế cháu Lê Trần An K, sinh ngày 03/12/2021 là con trai anh D, còn chị Th đi vào bếp nấu cơm. Khoảng 08 giờ 05 cùng ngày, T đi vào trong bếp nhà anh D để đưa cháu K cho chị Th. Lúc này, T phát hiện trên mặt bàn uống nước tại phòng khách có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu xanh của chị Th nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi đưa cháu K cho chị Th, lợi dụng lúc chị Th không để ý, T lén lút đi ra phòng khách lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại di động đã trộm cắp được đến Cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “PHAN Đ” của anh Bùi Phan Đ, sinh năm 1976 ở thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình bán được 1.300.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu sài hết.

Tại Bản kết luận định giá T sản số: 47/KLĐG ngày 05/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *"Giá trị của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12 RAM 4GB, dung lượng 128GB, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 07/11/2022 là 2.300.000 đồng."*

Về vật chứng vụ án: Anh Hoàng Văn H chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “HG Mobile” tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M11 32GB, màu đen; anh Phạm Minh Đ1 chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “Minh Đ” tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A33 5G 128GB màu đen là những điện thoại anh H và anh Đ1 mua của Nguyễn Thành T. T tự nguyện giao nộp số tiền 1.119.000 đồng để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M11 32GB, màu đen và số tiền 19.000 đồng (trong số tiền do T nộp khắc phục hậu quả) cho ông Phạm Văn T1 là chủ sở hữu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A33 5G 128GB cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị H; số tiền 1.100.000 đồng khắc phục hậu quả cho anh Hoàng Văn H.

Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12 RAM 4GB, dung lượng 128GB, sau khi trộm cắp của chị Vũ Thị Th, T mang đến bán cho anh Bùi Phan Đ là chủ Cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “PHAN Đ”. Chiếc điện thoại này anh Đ đã bán cho một người khách, anh Đ không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không thu giữ được.

Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ tại nhà ông Phạm Văn T1: 01 chiếc kéo bằng kim loại tối màu, đã bị hoen rỉ, tay cầm kéo được bọc ống nhựa màu xanh thẫm, chiều dài nhất từ cán cầm đến lưỡi kéo là 22cm; 04 mảnh kính vỡ, kích thước lần lượt là (9x10x0,5)cm; (7x4x0,5)cm; (6x4x0,5)cm và (2 x1,5x0,5)cm. Chiếc kéo cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Phạm Văn T1 còn 04 mảnh kính vỡ, kích thước lần lượt là (9x10x0,5)cm; (7x4x0,5)cm; (6x4x0,5)cm và (2 x1,5x0,5)cm được chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết cùng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Văn H đã nhận số tiền 1.100.000 đồng do Nguyễn Thành T bồi thường, anh H không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 01 ô kính của cánh cửa nhà ông Phạm Văn T1 bị T đập vỡ, do hư hỏng nhỏ ông T1 không yêu cầu bồi thường; số tiền 1.300.000 đồng của anh Bùi Phan Đ, số tiền 4.000.000 đồng của anh Phạm Minh Đ1 bỏ ra để mua những chiếc điện thoại của T mang đến bán. Anh Đ và anh Đ1 đã tự nguyện giao nộp lại những điện thoại trên và không yêu cầu, đề nghị T phải bồi hoàn số tiền anh Đ và anh Đ1 đã bỏ ra mua những chiếc điện thoại này.

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu T bồi thường số tiền 1.223.000 đồng mà T đã trộm cắp ngày 24/10/2022; chị Vũ Thị Th yêu cầu T bồi thường giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu xanh mà T trộm cắp theo giá trị của kết luận định giá là 2.300.000 đồng, T chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 13CT-VKSYK ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “Trộm cắpT sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắpT sản”.
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 21/01/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị hại là anh H đã nhận số tiền do bị cáo bồi thường là 1.100.000 đồng mà anh đã bỏ tiền ra mua chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp và ông T1 đã nhận lại điện thoại và số tiền 19.000 đồng, còn đối với ô kính bị đập vỡ, do giá trị thấp nên ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nay anh H, ông T1 không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ đã bỏ ra số tiền 1.300.000 đồng và anh Đ1 đã bỏ ra số tiền 4.000.000 đồng để mua những chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp, sau đó đã tự nguyện nộp lại và cơ quan điều tra trả lại điện thoại này cho bị hại, nay anh Đ và anh Đ1 đều không có yêu cầu bị cáo bồi thường lại trong vụ án này, đối với cháu Tuấn A, cháu T2 đều không có yêu cầu bồi thường gì, do vậy không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 1.223.000 đồng và chị Th số tiền 2.300.000 đồng (là giá trị của 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12, màu xanh, đã trộm cắp của chị Th theo giá trị của kết luận định giá).

- Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 04 mảnh kính vỡ, kích thước lần lượt là (9x10x0,5) cm; (7x4x0,5) cm; (6x4x0,5) cm và (2 x1,5x0,5) cm là vật chứng không có giá trị.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đều trình bày: Nhất trí với quan điểm về tội danh và tình tiết giảm nhẹ của Kiểm sát viên đưa ra, nhận thấy bị cáo là người chưa thành niên, tuổi còn trẻ, suy nghĩ nông cạn, ý thức bột phát nên dẫn đến vi phạm, việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội và đã đảm bảo tốt các quyền của bị cáo theo quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo khi còn nhỏ sống cùng với bà ngoại tại tỉnh Thanh Hóa, cho đến tháng 3/2022 thì nghỉ học và chuyển về ở với mẹ tại xã K, bị cáo sống thiếu sự quan tâm, tình cảm của cha mẹ, bị cáo đã nghỉ học nên thiếu ý thức rèn luyện và phấn đấu trong môi trường học tập và giáo dục, do đó bị cáo đã có hành vi trộm cắp và bị truy tố, xét thấy bị cáo tự nguyện khai báo, phạm tội lần đầu và ở độ tuổi người chưa thành niên, sau khi bị truy tố bị cáo đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương với mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cho gia đình và xã hội.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì cháu tuổi đời còn nhỏ suy nghĩ nông cạn, chưa am hiểu pháp luật, vì vậy xét cho cháu T được hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo mức án như người bào chữa trình bày, để cháu có điều kiện sửa chữa sai phạm.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu sài cá nhân, T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, tại các nhà dân trên địa bàn huyện Y, T thừa nhận một mình đã thực hiện ba lần trộm cắp cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 13h45' ngày 10/10/2022, T mượn xe mô tô, nhãn hiệu Wave, không gắn biển số của bạn là anh Vũ Tuấn A, sinh ngày 13/02/2006 trú tại xóm 2, Xuân T, xã K, huyện Y, để đi chơi. Khi đến nhà ông T1, ở xóm T, Đông M, xã K, huyện Y thấy cổng khóa, không có người ở nhà, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên trèo qua cổng sắt vào trong sân. Quan sát thấy cửa ra vào bên hông trái được chốt bên trong trên cửa có các ô kính nên T đến khu vực cửa sổ nhất 01 chiếc kéo bằng kim loại, quay lại chỗ cửa và dùng kéo đập vỡ 01 ô cửa kính ở cánh cửa rồi luồn tay trái qua ô cửa kính vỡ kéo then cài phía trong để vào nhà. Khi vào gian phòng ngủ, T lục dưới gối đầu giường lấy 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy M11, màu đen và tiếp tục lục tủ quần áo lấy số tiền 19.000 đồng, ông T1 bỏ trong chiếc ví da. T cất điện thoại và tiền vào trong người rồi đi ra theo đường đã vào. Sau đó, T đi trả xe cho Tuấn A. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh H, ở xóm 3B, xã K, huyện Y bán chiếc điện thoại này cho anh H với giá 1.100.000 đồng, số tiền này T đã tiêu sài hết. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, chiếc điện thoại này tại thời điểm ngày 10/10/2022 là 1.533.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 24/10/2022, T đột nhập vào nhà chị H, ở phố 3, thị trấn Y, để trộm cắp tài sản. Khi đi vào trong phòng ngủ, T thấy chị H đang ngủ trên giường có chiếc điện thoại Samsung Galaxy A33 5G 128GB, màu đen đang cắm sạc. T đến rút sạc, lấy chiếc điện thoại, tháo ốp phía sau của điện thoại thì phát hiện có số tiền 1.223.000 đồng. Sau đó, T cầm tiền và điện thoại trèo tường ra ngoài. Khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, T gặp T2 là bạn ở phố C, thị trấn Y, T cùng T2 mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy A33 đến cửa hàng điện thoại của anh L, trú tại phố 1B, thị trấn Y, để mở khóa mật khẩu điện thoại. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, T mang điện thoại này đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Đ1, ở xóm C, xã K, bán với giá 4.000.000 đồng, T tiêu sài hết số tiền bán điện thoại và số tiền 1.223.000 đồng. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, chiếc điện thoại này tại thời điểm ngày 24/10/2022 là 4.667.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 07/11/2022, T đi qua nhà anh D, ở phố 2, thị trấn Y, thì gặp chị Th, người ở xã K. Do có quen biết nên chị Th nhờ T bế cháu K là con của anh D để chị Th đi vào bếp nấu cơm. Khoảng 08 giờ 05 cùng ngày, T đi vào trong bếp nhà anh D để đưa cháu K cho chị T. Lúc này, T phát hiện trên mặt bàn uống nước tại phòng khách có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu xanh của chị Th nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi đưa cháu K cho chị

Th, lợi dụng lúc chị Th không để ý, T lén lút lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại này đến Cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Đ ở thôn Y, xã K, bán được 1.300.000 đồng. T đã tiêu sài hết số tiền này. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, chiếc điện thoại này tại thời điểm ngày 07/11/2022 là 2.300.000 đồng.

Theo Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp T sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt T sản mà còn vi phạm;

.....

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T đột nhập vào nhà ông T1, chị H để trộm cắp tài sản và lợi dụng sơ hở của chị Th, T lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Th. Sau khi chiếm đoạt được tài sản và tiền, T đã bán tài sản, tiêu sài cá nhân hết, qua ba lần thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị 9.742.000 đồng nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện Y. Bị cáo thực hiện hành vi ở độ tuổi 16 tuổi 05 ngày là người chưa thành niên. Song bị cáo là người phát triển bình thường, tuy trong cuộc sống có thiếu thốn tình cảm của cha mẹ và sự quan tâm giáo dục của gia đình chưa được tốt, song bản thân nhận thức được tính nguy hiểm và trái pháp luật hình sự do hành vi mình thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa Luật sư, người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Do bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp và bị truy tố nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bản thân đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy người bào chữa đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là có căn cứ nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo là vị thành niên, song đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp và thực hiện hành vi phạm tội khi đang có 1 tiền sự về tội

trộm cắp tài sản chưa được xóa. Sau khi phạm tội Cơ quan điều tra đã giao T cho gia đình giám sát, song T đã bỏ trốn và Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, hiện tại đang bị tạm giam, nên xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù để tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Bị cáo là vị thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật.

Ngoài hành vi bị truy tố ra, trong quá trình điều tra xác định trong tháng 9/2022 T còn trộm cắp của chị H 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max và 01 con lợn đất bên trong có số tiền 9.040.000 đồng, 01 chiếc máy tính bảng iPad Pro 11 2021, có tổng trị giá tài sản và tiền là 34.373.000 đồng. Tại thời điểm này T chưa đủ 16 tuổi. Do đó, hành vi của T chưa cấu thành tội phạm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này đối với anh T2 là người đi cùng T mở khóa mật khẩu điện thoại và đi bán chiếc điện thoại mà T đã trộm cắp; anh Tuấn A là người cho T mượn xe mô tô, sau đó T đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản, chiếc xe mô tô này hiện đang bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình tạm giữ do liên quan đến vụ án khác, xảy ra tại thành phố Ninh Bình; anh L là người mà T nhờ mở khóa chiếc điện thoại do T đã trộm cắp; anh Đ, anh Đ1, anh L và anh H đều làm nghề kinh doanh mua bán, sửa chữa điện thoại di động, đều đã mua các tài sản do T trộm cắp được. Tuy nhiên, những người này không biết tài sản là do T trộm cắp mà có nên không vi phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản do bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Do bị cáo chưa bồi thường xong cho chị H, chị Th là bị hại theo yêu cầu. Nay do bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản để bồi thường tiếp, do vậy theo quy định của pháp luật, thì bố mẹ phải bồi thường thay phần còn lại, do vậy cần buộc bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị H số tiền 1.223.000 đồng và chị Th số tiền 2.300.000 đồng, do bị cáo đã trộm cắp, không thu hồi được là phù hợp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ đã bỏ ra số tiền 1.300.000 đồng và anh Đ1 đã bỏ ra số tiền 4.000.000 đồng để mua điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp, sau đó đã tự nguyện nộp lại và cơ quan điều tra trả lại điện thoại này cho bị hại, nay anh Đ và anh Đ1 đều không có yêu cầu bị cáo bồi thường lại, đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt, trong giao dịch dân sự của anh Đ, anh Đ1 nên không xem xét giải quyết trong vụ án. Đối với cháu Tuấn A, cháu T2 đều không có yêu cầu bồi thường gì, do vậy không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng; tài sản thu giữ: Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M11 32GB, màu đen và số tiền 19.000 đồng; 01 chiếc kéo bằng kim loại tối màu, đã bị hoen rỉ cho ông T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A33 5G 128GB cho chị H là chủ sở hữu; trả lại số tiền 1.100.000 đồng khắc phục hậu quả cho anh H là phù hợp.

Đối với 04 mảnh kính vỡ, kích thước lần lượt là (9x10x0,5) cm; (7x4x0,5) cm; (6x4x0,5) cm và (2 x1,5x0,5) cm là vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy

[9] Về án phí: Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 357; 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính ngày tạm giữ bị cáo, ngày 21/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bà Nguyễn Thị P (là mẹ đẻ của bị cáo) có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại còn lại thay bị cáo Nguyễn Thành T (do không còn tài sản để bồi thường) cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.223.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) và chị Vũ Thị Th số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 04 mảnh kính vỡ, kích thước lần lượt là (9x10x0,5) cm; (7x4x0,5) cm; (6x4x0,5) cm và (2 x1,5x0,5) cm là vật chứng do không có giá trị.

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/3/2023 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa; có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người bào chữa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại, Người bào chữa
- Người đại diện; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.